

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2024
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Công Tụ;
 - Ông Đặng Ngọc Tân
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXX-ST ngày 14/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1989

- Bị đơn: Anh Phạm Hữu M, sinh năm 1984

Cùng cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt, anh M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Lưu Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hữu M có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2024 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 05/5/2012 và Phạm Hữu B, sinh ngày 15/12/2013. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cháu Á, để anh M nuôi cháu B; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại chị T không có thai nghén gì. Chị T đang làm công nhân tại công

ty ở Hải Phòng sáng đi tối về, thu nhập 01 tháng là 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Hữu M vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản lấy lời khai cháu Phạm Thị Ngọc Á trình bày:* Cháu Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 05/5/2012 là con đẻ của chị Lưu Thị T và anh Phạm Hữu M. Hiện cháu Á đang học lớp 7A1 trường Trung học cơ sở xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nếu chị T, anh M ly hôn thì cháu Á có nguyện vọng ở cùng chị Lưu Thị T.

- *Tại biên bản lấy lời khai cháu Phạm Hữu B trình bày:* Cháu Phạm Hữu B, sinh ngày 15/12/2013 là con đẻ của chị Lưu Thị T và anh Phạm Hữu M. Hiện cháu B đang học lớp 6A2 trường Trung học cơ sở xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nếu chị T, anh M ly hôn thì cháu Á có nguyện vọng ở cùng anh Phạm Hữu M.

Tại biên bản xác minh với gia đình anh M thể hiện: Chị Lưu Thị T và anh Phạm Hữu M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 16/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn B. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì gia đình không nắm rõ, hiện chị T làm tại công ty ở thành phố Hải Phòng sáng đi, tối về; còn anh M làm nghề lái xe thỉnh thoảng về nhà. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án động viên để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung. Về tài sản chung: Gia đình không nắm rõ.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn B, cán bộ tư pháp xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Lưu Thị T và anh Phạm Hữu M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 16/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cơ sở không nắm rõ. Hiện nay chị T và anh M đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung, ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng các bên. Về tài sản chung: Cơ sở không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lưu Thị T và anh Phạm Hữu M là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh

Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/12/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay không quan tâm đến nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị T đề nghị ly hôn nhưng anh M cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lưu Thị T và anh Phạm Hữu M có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 05/5/2012 và Phạm Hữu B, sinh ngày 15/12/2013. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cháu Á, để anh M nuôi cháu B; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu Á cũng có nguyện vọng được ở cùng chị T; cháu B có nguyện vọng được ở cùng anh M. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị T, anh M là chính đáng, chị T, anh M có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Lưu Thị T trực tiếp nuôi con Phạm Thị Ngọc Á; anh Phạm Hữu M trực tiếp nuôi con Phạm Hữu B; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lưu Thị T, anh Phạm Hữu M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Phạm Hữu M.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lưu Thị T trực tiếp nuôi con Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 05/5/2012; anh Phạm Hữu M trực tiếp nuôi con Phạm Hữu B, sinh ngày 15/12/2013; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004702 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 17/9/2024). Anh Phạm Hữu M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh